

TIẾP CẬN BÀI THƠ *ĐỢI* TỪ ĐIỂM NHÌN MÔ HÌNH NGHỆ THUẬT

TS. HỒ VĂN HẢI (Đại học Sài Gòn)
VŨ HOÀNG CÚC (Đại học Tây Nguyên)

1. Mô hình nghệ thuật

Khi những sự cảm nhận chủ quan, chung chung, từ bên ngoài đối với tác phẩm nghệ thuật ngôn từ tỏ ra không chính xác hoặc thiếu sức thuyết phục, người ta đã phải tìm đến một cơ sở có tính tin cậy hơn: *Mô hình nghệ thuật*. Mô hình nghệ thuật của một tác phẩm nghệ thuật bao gồm nhiều hệ thống mô hình cấu trúc lồng vào nhau: *mô hình cấu trúc hình tượng*; *mô hình cấu trúc chủ đề*; *mô hình cấu trúc sự kiện (văn xuôi)*; *mô hình cấu trúc nhân vật (văn xuôi)*; *mô hình cấu trúc ngôn ngữ*... Từ cái nhìn nội tại, tác phẩm được xem như một thể thống nhất của các yếu tố cấu thành. Mỗi một nhất cắt (bình diện, góc độ) ta được một *thiết diện*. Kết hợp các góc nhìn sẽ cho ta một đáp số gần đúng về đối tượng. Trong nghiên cứu tác phẩm nghệ thuật ngôn từ có thể có nhiều cách thức, góc nhìn khác nhau, nhìn tác phẩm từ góc độ mô hình nghệ thuật tỏ ra hiệu quả trong nghiên cứu văn học thời gian gần đây.

Nghiên cứu thi ca trong một thời gian dài đã có được những thành tựu nhất định nhưng cũng phải thừa nhận rằng những thành tựu về lí thuyết (vốn là những nguyên lí có tính chất mở đường) lại không có được những

đột phá mới. Cách tiếp cận truyền thống là nhắm vào chủ đề tư tưởng (giá trị biểu đạt ý nghĩa tổng thể) hoặc những chi tiết nổi trội (thường là từ ngữ, hình ảnh hoặc dòng thơ). Cách tiếp cận này tỏ ra đơn giản nhưng dễ rơi vào tình trạng sơ sài, nếu lạm dụng quá sẽ sa vào tán tụng. Bài thơ đọc lên thoát tiên thấy bình thường, qua sự đại ngôn của người bình có khi trở nên nổi tiếng. Hoặc có thể vô tình hay hữu ý, bằng cách này người ta tô vẽ cho tác phẩm những lớp mạ hào nhoáng mà bản thân nó không hề có. Điều này rất nguy hại cho cả quá trình sáng tác lẫn tiếp nhận thơ. Cách tiếp cận mới có độ tin cậy cao hơn được tiến hành theo nguyên lí thực chứng. Dụng cụ đặc dụng để mổ xẻ tác phẩm nghệ thuật phải dựa trên những nguyên tắc nghệ thuật. Điểm nhìn của mô hình nghệ thuật do đó có thể là một lối tiếp cận hiệu quả hơn? Đây chính là vấn đề cần phải được tiếp tục thảo luận để làm sáng tỏ và hoàn thiện thêm.

2. Thử tiếp cận bài *Đợi* từ điểm nhìn mô hình nghệ thuật

2.1. *Đợi* là một bài thơ khá đặc biệt trong nền thi ca hiện đại. Theo lời kể của tác giả, thi hứng đi ra từ một câu chuyện tình hết sức cảm động. Một cán bộ chuẩn bị tập kết thì

được lệnh ở lại nằm vùng, sống gần người vợ yêu mà không được gặp mặt. Tưởng chồng mình đã chết, do hoàn cảnh, cô ấy phải làm vợ một sĩ quan nguy. Ngày nước nhà thống nhất, người lính Việt cộng trở về đối mặt với đời thường và đau đớn vô cùng khi đứng trước thực tế phũ phàng hiện tại. Nỗi đau đó càng lớn hơn khi tình yêu dành cho vợ ngày nào nay vẫn còn nguyên vẹn. Nén nỗi đau lại, anh đành phải bảo lãnh cho viên sĩ quan - kẻ bại trận ở bên kia chiến tuyến về đoàn tụ với vợ của mình. Trải qua những thăng trầm của thời thế, bài thơ đã đánh thức được xúc cảm nơi nhạc sĩ (tuy nhiên không hiểu vì dụng ý gì mà người đợi trong bài hát lại là người con gái).

*Anh đứng trên cầu đợi em
Dưới chân cầu nước chảy ngày đêm
Ngày xưa đã chảy, sau còn chảy
Nước chảy bên lòng, anh đợi em.*

*Anh đứng bên cầu nắng hạ
Nắng soi bên ấy lại bên này
Đợi em. Em đến? Em không đến?*

Nắng tắt, còn anh đứng mãi đây.

Anh đứng trên cầu đợi em

Đứng một ngày đất lạ thành quen

Đứng một đời em quen thành lạ

Nước chảy... Kia em, anh đợi em.

(Vũ Quần Phương)

Cả một thời gian dài, bài thơ đã được một số nhà nghiên cứu cố gắng giải mã. Tuy nhiên những cố gắng đó dường như chưa làm thỏa mãn độc giả yêu thơ. Từ điểm nhìn mô hình nghệ thuật, giá trị thực của bài thơ có lẽ mới được phát hiện một cách toàn diện và sâu sắc hơn.

2.2. Hình thức bên ngoài là kể sự, *Đợi* vận động theo mô hình của sự đối lập giữa hai phạm trù: ***cái khả biến*** và ***cái bất biến***. Đó là sự đối lập giữa sự chuyển dời, đổi thay vô hạn, vô hồi của tạo vật theo thời gian với sự son sắt, chung thủy của tình yêu lí tưởng lung linh trong những thời khắc đặc biệt của hoàn cảnh. Đọc bài thơ ta có thể nhận ra hai hệ thống phương tiện biểu đạt song hành tương tác lẫn nhau qua mô hình sau đây:

Sự chờ đợi (hình tượng tổng thể)			
Cái khả biến (hình tượng bộ phận)		Cái bất biến (hình tượng bộ phận)	
Mã ngôn ngữ	Nội dung biểu đạt	Mã ngôn ngữ	Nội dung biểu đạt
<i>Nước chảy ngày đêm, ngày xưa đã chảy, sau còn chảy</i>	Vận vật không ngừng vận động	<i>Anh đợi em</i>	Không vận động, đứng lại với giá trị cũ, thủy chung đợi chờ
<i>Nắng soi bên ấy - bên này, nắng tắt</i>	Sự vật vận động luân phiên theo quy luật của tự nhiên	<i>Anh đứng mãi đây</i>	Bất chấp quy luật tự nhiên, thủy chung đợi chờ
<i>Đất lạ thành quen, em quen</i>	Những thay đổi của đời sống là một tất yếu vĩnh cửu và	<i>Anh đợi em</i>	Bất chấp quy luật đời sống tâm lí - xã hội, thủy chung

<i>thành lạ, nước chảy</i>	không lường hết được		đợi chờ
Ý nghĩa của hình tượng 1: <i>thiên nhiên, nhân thế vận động, đổi thay</i>		Ý nghĩa của hình tượng 2: <i>tình yêu son sắt sẽ không bao giờ thay đổi</i>	
Ý nghĩa của hình tượng tổng thể: <i>một tình yêu bất tử, bất chấp mọi sự đổi thay</i>			

Cái khả biến với cái bất biến được triển khai thông qua các cặp phạm trù: quá khứ với hiện tại đến tương lai, sự hiện diện với không hiện diện... (*ngày - đêm; xưa - sau; bên ấy - bên này; đến - không đến; lạ - quen; một ngày - một đời*) để khái quát thành triết lí: *quy luật của tạo hoá với ý chí của con người*.

Khổ thơ mở đầu là hình ảnh người con trai đợi người yêu trên cầu, nhìn xuống chân cầu *nước chảy*, ngắm thấy dòng nước kia không biết tự bao giờ đến mãi mai sau vẫn thao thiết chảy (*xưa hay sau* vẫn không thể ngưng lại), riêng lòng anh vẫn thế, trước sau như một son sắt với một mối tình. Cảm nhận được quy luật cuộc sống (*nước chảy*), chàng trai không có ý định chống lại nó (nhưng là *chảy bên lòng*), ngược lại anh hoà vào dòng chảy bất tận của đời sống.

Khổ thơ tiếp theo đã có sự phát triển: từ *đứng đợi* trong điểm nhìn của *một thời điểm* đến *đứng đợi* trong điểm nhìn của *một diễn tiến ngắn* (*một ngày*: nắng lên, nắng tắt cùng những khắc khoải, có khi thoáng chút nghi ngại: *đến - không đến*), hoàng hôn buông xuống, anh vẫn bất chấp, *nắng tắt* vẫn kiên trì đứng đợi.

Khổ thơ cuối, thời gian của sự diễn tiến giãn ra từ *một ngày* đến *một đời*, từ thiên nhiên (*nước chảy, nắng lên, nắng tắt*) đến con người và xã hội (*quen đất, lạ người*),

nước dưới cầu vẫn chảy nhưng anh vẫn đợi. Tính triết lí đạt đến đỉnh điểm trong cặp đối lập hết sức bất ngờ: *đứng một ngày* thông thuộc thiên nhiên, *đứng một đời* người quen thành người xa lạ. Cho hay những đổi thay của thiên nhiên và cuộc đời là không lường hết được. Có khi nó khiến con người bất ngờ, hụt hẫng và gục ngã. Câu thơ cuối không phải là sự buông xuôi, bỏ cuộc mà lại là một lời khẳng định thoáng chút thảng thốt trong cái bất chợt nhìn lại, chiêm nghiệm lại dòng nước kia: *Nước chảy... kìa em, anh đợi em*. Có thể lúc này em đến hay không đến không còn là điều quan trọng nữa. Sự chờ đợi và chiêm nghiệm đã làm cho tâm hồn chàng trai trở về mức tĩnh tại. Tình yêu của anh đã trở thành vĩnh viễn. Nó sống ở trong lòng chứ không còn phụ thuộc vào sự gặp gỡ...

Nhìn lại cả bài thơ, từng tiểu hệ thống trong mô hình nghệ thuật có sự phát triển liên tục (nhờ vào sự phát triển liên tục của hình tượng và ý nghĩa). Ý thơ đọng lại là một tấm lòng chung thủy sắt son kết tinh trong từ *đợi* (như chính đầu đề bài thơ). *Đợi*, đợi đến vô cùng thời gian, bất chấp càn khôn và lòng người thay đổi. Giữa bộn bề lo toan của cuộc sống, giữa sự chảy trôi không ngưng nghỉ của dòng đời, ta bất chợt nhận ra một thứ không hoà vào quy luật đó. Âm thầm, lặng lẽ nhưng vô cùng quyết liệt, vì nó

được sinh ra trong máu lửa, từ những thử thách cam go của một cuộc đời trong thử thách cam go của cả một dân tộc. Nó không còn là là bi kịch tình yêu của một người cụ thể mà trở thành nỗi niềm, số phận của tất cả những mối tình trong chiến tranh. Điều đó làm nên vầng sáng lung linh của bài thơ. Nó giải thích vì sao câu chuyện tình đặc biệt (người đời không phải là cô gái, người vợ ở hậu phương mà là người con trai; đời người ở ngay bên cạnh mình; không phải đời con người bằng xương bằng thịt mà là đời một tâm hồn) lại xúc động lòng người qua bao thế hệ đến như vậy.

3. Một bài thơ hay phải là bài thơ có mô hình nghệ thuật độc đáo (mới lạ, sâu sắc và nhất quán). Mô hình nghệ thuật là bản thiết kế của bài thơ, đồng thời là kết quả của quá trình sáng tạo nghệ thuật và sự suy tư tìm kiếm, tổ chức các yếu tố trong thi phẩm. Nó là một kết cấu nhiều tầng bậc. Tầng bậc của hình tượng, tầng bậc của ngôn ngữ (ý nghĩa sự vật lôgic và tầng bậc của ý nghĩa trừu tượng khái quát). Khác với *cấu trúc lôgic*, mô hình nghệ thuật của thơ được làm nên bởi những mối liên hệ đa chiều giữa các bình diện, đơn vị hiện diện và tiềm ẩn. Nhận diện được nó, ta có thể phát hiện ra một quá trình sáng tạo đầy phức tạp và nhọc nhằn của người làm thơ. Tìm được mô hình nghệ thuật, người nghiên cứu và thưởng thức thơ xem như đã có trong tay chìa khoá mở toàn bộ thế giới bí mật mà nhà thơ gửi gắm trong tác phẩm của mình. Nhờ đó việc đi tìm mật mã thơ sẽ tránh được hiện tượng “tùng xẻo” thơ rất phổ biến hiện nay. Nếu cần tìm một

phương tiện để định giá năng lực sáng tạo của nhà thơ và mức độ thành công của bài thơ thì *mô hình nghệ thuật* là thước đo hữu hiệu. Điểm nhìn mô hình nghệ thuật là điểm nhìn toàn diện nhất.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Phan Cảnh (1987), *Ngôn ngữ thơ*, Nxb Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội.
2. Xuân Diệu (1984), *Công việc làm thơ*, Nxb Văn học, Hà Nội.
3. Phan Huy Dũng (1999), *Kết cấu thơ trữ tình nhìn từ góc độ loại hình*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn, ĐH Sư phạm Vinh.
4. Đỗ Đức Hiểu (2000), *Thi pháp hiện đại*, Nxb hội nhà văn, Hà Nội.
5. Jacobson-Lévi Strauss (1997) *Những con mèo của Ch. Baudelaire*, Tạp chí Văn học (7).
6. Thụy Khuê (1996), *Cấu trúc thơ*, Nxb Văn nghệ, California, Hoa Kỳ.
7. Nguyễn Lai (1996), *Tìm sự chuyển hóa từ mã ngữ nghĩa sang mã hình tượng*, Tạp chí Ngôn ngữ (2).
8. Anh Ngọc (2000), *Từ thơ đến thơ*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
9. Phan Ngọc (1995), *Cách giải thích văn học bằng ngôn ngữ học*, Nxb trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
10. Đào Thản (1998), *Từ ngôn ngữ chung đến ngôn ngữ nghệ thuật*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Nguyễn Đình Thi (1992), *Mấy ý nghĩ về thơ*, Tạp chí Tác phẩm mới (2 bộ mới).
12. Trần Văn Tịch, *Tứ thơ*, Văn học, Số 124.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 27-04-2009)